

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



TIỂU LUẬN TỐT NGHIỆP

**ĐÁNH GIÁ BIẾN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT TẠI THỊ XÃ LA GI
TỈNH BÌNH THUẬN GIAI ĐOẠN 2010- 2014**

Họ và tên sinh viên: ĐINH THỊ BẢO TRÂM

Ngành: Hệ thống Thông tin Địa lý

Niên khóa: 2012 – 2016

Tháng 6/2016

**ĐÁNH GIÁ BIẾN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT TẠI THỊ XÃ LA GI
TỈNH BÌNH THUẬN GIAI ĐOẠN 2010- 2014**

Tác giả

ĐINH THỊ BẢO TRÂM

Tiểu luận được đệ trình để đáp ứng yêu cầu
cấp bằng Kỹ sư ngành Hệ thống Thông tin Địa lý

Giáo viên hướng dẫn:

KS. Nguyễn Duy Liêm

Tháng 6 năm 2016

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin gửi lời cảm ơn các quý thầy cô trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh, cũng như các quý thầy cô bộ môn Hệ thống Thông tin Địa lý đã tận tình chỉ bảo trong suốt thời gian tôi học tập tại trường; đặc biệt gửi lời cảm ơn sâu sắc đến thầy Nguyễn Duy Liêm người đã trực tiếp hướng dẫn tôi hoàn thành Tiểu luận tốt nghiệp. Bên cạnh đó, tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến tất cả các bạn của tập thể lớp DH12GI, bạn bè, anh chị đã đồng hành, động viên tôi trong suốt thời gian qua.

Hơn hết tôi muốn gửi lời cảm ơn đến công lao nuôi dưỡng, dạy bảo của bố mẹ; luôn ủng hộ, quan tâm tôi, cho tôi yên tâm học tập.

Một lần nữa tôi xin chân thành cảm ơn!

ĐINH THỊ BẢO TRÂM

Khoa Môi trường và Tài nguyên

Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 0969883353

Email: dinhbaotram33@gmail.com

TÓM TẮT

Đất đai luôn biến động không ngừng về quy mô, sự phân bố và loại hình sử dụng. Việc ứng dụng công nghệ GIS giúp đẩy nhanh tiến trình tiếp cận, đánh giá sự biến động đó; bằng những công cụ có sẵn, GIS cho phép người dùng dễ dàng chồng lớp dữ liệu, thể hiện sự biến động, xuất dữ liệu ma trận biến động nhằm đáp ứng nhu cầu đánh giá, nhận xét biến động SDD, phục vụ mục đích nghiên cứu.

Đề tài nghiên cứu “Đánh giá biến động SDD tại TX La Gi tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2010- 2014” đã được thực hiện trong khoảng thời gian từ tháng 3/2016 đến tháng 5/2016. Nghiên cứu đã ứng dụng công nghệ GIS để xử lý, biên tập dữ liệu đầu vào; chồng lớp dữ liệu; trích xuất ma trận biến động SDD tại TX La Gi giai đoạn 2010- 2014.

Kết quả đạt được của tiểu luận là bản đồ biến động SDD tại TX La Gi giai đoạn 2010 – 2014 và đánh giá được tốc độ biến động của từng loại hình sử dụng.

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	i
TÓM TẮT.....	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC VIẾT TẮT.....	v
DANH MỤC BẢNG BIỂU	vi
DANH MỤC HÌNH ẢNH.....	vii
CHƯƠNG 1. MỞ ĐẦU.....	1
1.1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
1.2. Mục tiêu nghiên cứu	1
1.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	1
CHƯƠNG 2. TỔNG QUAN TÀI LIỆU	2
2.1. Biến động SDD.....	2
2.1.1. Khái niệm	2
2.1.2. Những đặc điểm của biến động SDD	2
2.1.3. Ý nghĩa của đánh giá biến động SDD	2
2.2. Tổng quan khu vực nghiên cứu	3
2.2.1. Vị trí địa lý.....	3
2.2.2. Điều kiện tự nhiên	4
2.2.3. Điều kiện KT-XH	6
2.2.4. Tình hình SDD	8
2.3. Tình hình nghiên cứu liên quan đến vấn đề nghiên cứu.....	9
CHƯƠNG 3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....	10
3.1. Dữ liệu	10
3.2. Phương pháp	10
CHƯƠNG 4. KẾT QUẢ, THẢO LUẬN	12
4.1. Bản đồ hiện trạng SDD TX La Gi năm 2010	12

4.2. Bản đồ hiện trạng SDD TX La Gi năm 2014	14
4.3. Đánh giá biến động SDD tại TX La Gi giai đoạn 2010- 2014	16
4.3.1. Quy mô biến động	16
4.3.2. Ma trận biến động.....	17
CHƯƠNG 5. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ	27
5.1. Kết luận.....	27
5.2. Kiến nghị	27
TÀI LIỆU THAM KHẢO	28

DANH MỤC VIẾT TẮT

CTV	Cộng tác viên
GIS	Geographic Information System (Hệ thống thông tin địa lý)
KT-XH	Kinh tế- xã hội
NXB	Nhà xuất bản
SDĐ	Sử dụng đất
TX	Thị xã
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1 Diện tích, dân số, mật độ dân số TX La Gi	7
Bảng 2.2 Hiện trạng SDD ở TX La Gi năm 2010.....	8
Bảng 3.1 Dữ liệu thu thập	10
Bảng 4.1 Bảng diện tích và cơ cấu các loại hình SDD TX La Gi năm 2010....	12
Bảng 4.2 Diện tích và cơ cấu các loại hình SDD TX La Gi năm 2014	14
Bảng 4.3 Thống kê diện tích các loại hình SDD giai đoạn 2010- 2014	16
Bảng 4.4 Diện tích, tỷ lệ biến động của từng loại hình sử dụng.....	17
Bảng 4.5 Ma trận diện tích chuyển đổi của các loại hình SDD tại TX La Gi giai đoạn 2010- 2014 (Đơn vị: ha).....	18
Bảng 4.6 Ma trận tỷ lệ chuyển đổi của các loại hình SDD tại TX La Gi giai đoạn 2010- 2014 (Đơn vị : %)	19

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1. Bản đồ hành chính TX La Gi – Bình Thuận	4
Hình 3.1 Sơ đồ phương pháp nghiên cứu	11
Hình 4.1 Bản đồ hiện trạng SDD TX La Gi năm 2010.....	13
Hình 4.2 Bản đồ hiện trạng SDD TX La Gi năm 2014.....	15
Hình 4.3 Bản đồ biến động đất sản xuất nông nghiệp tại TX La Gi giai đoạn 2010- 2014	20
Hình 4.4 Bản đồ biến động đất sản xuất nông nghiệp tại TX La Gi giai đoạn 2010- 2014	21
Hình 4.5 Bản đồ biến động đất sản xuất nông nghiệp tại TX La Gi giai đoạn 2010- 2014	22
Hình 4.6 Bản đồ biến động đất sản xuất nông nghiệp tại TX La Gi giai đoạn 2010- 2014	23
Hình 4.7 Bản đồ biến động đất sản xuất nông nghiệp tại TX La Gi giai đoạn 2010- 2014	24
Hình 4.8 Bản đồ biến động đất sản xuất nông nghiệp tại TX La Gi giai đoạn 2010- 2014	25
Hình 4.9 Bản đồ biến động SDD tại TX La Gi giai đoạn 2010- 2014.....	26

CHƯƠNG 1. MỞ ĐẦU

1.1. Tính cấp thiết của đề tài

Đất đai luôn biến động không ngừng do những tác động xung quanh. Vì vậy, muốn quản lý đất đai một cách hiệu quả, chi tiết thì việc theo dõi, đánh giá biến động SDD là điều tất yếu. Việc này mang đến cho chúng ta cái nhìn toàn diện và khái quát về tình hình SDD tại khu vực, đánh giá được tiềm năng sản xuất, vạch ra hướng xây dựng, phát triển.

TX La Gi thuộc tỉnh Bình Thuận, là đầu mối giao thông thuận lợi, có quốc lộ 55 từ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nối với quốc lộ 1A; hơn nữa còn giáp biển với đường bờ biển dài 28 km thuận lợi cho việc phát triển của TX La Gi nói riêng và góp phần xây dựng tỉnh Bình Thuận nói chung. TX La Gi có dân số khoảng 107.945 người (năm 2014) và diện tích là 18.273 ha (Cục thống kê tỉnh Bình Thuận, 2015).

Đất sản xuất nông nghiệp là loại hình SDD chính ở khu vực nghiên cứu, với 13.123,87 ha; chiếm 70,23% tổng diện tích tự nhiên của TX năm 2014. Tình hình biến động đất ở La Gi trong 2012 – 2014 thay đổi không đáng kể, đất sử dụng cho nông – lâm nghiệp ổn định; diện tích đất ở giảm nhẹ từ 3,02% xuống còn 2,85%; diện tích đất chuyên dùng tăng từ 7,72% lên 7,85% so với tổng diện tích đất tự nhiên của TX (Cục thống kê tỉnh Bình Thuận, 2015).

Hiện nay, tỉnh Bình Thuận đang lên kế hoạch xây dựng, cải thiện cơ sở hạ tầng nhằm nâng cấp các đô thị; trong đó có TX La Gi sẽ nâng cấp lên đô thị loại III giai đoạn 2016 – 2020. Vì thế việc xác định và đánh giá biến động SDD, nhằm có được những thông tin chính xác, phương án phát triển là điều cần thiết (Phi Hoàng, 2013).

Nắm bắt được tình hình đó, đề tài “Đánh giá biến động SDD tại TX La Gi tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2010– 2014” được thực hiện.

1.2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu bao gồm:

- Xác định sự thay đổi về quy mô, loại hình SDD ở TX La Gi tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2010- 2014.
- Đánh giá tốc độ chuyển đổi loại hình SDD ở TX La Gi tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2010- 2014.

1.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: biến động SDD.

Phạm vi nghiên cứu: TX La Gi tỉnh Bình Thuận trong giai đoạn 2010– 2014.

CHƯƠNG 2. TỔNG QUAN TÀI LIỆU

2.1. Biến động SDD

2.1.1. Khái niệm

Biến động SDD là sự thay đổi trạng thái tự nhiên của lớp phủ bề mặt đất gây ra bởi hành động của con người, là một hiện tượng phổ biến liên quan đến tăng trưởng dân số, phát triển thị trường, đổi mới công nghệ, kỹ thuật và sự thay đổi thể chế, chính sách. Biến động SDD có thể gây ra hậu quả khác nhau đối với tài nguyên thiên nhiên như sự thay đổi thảm thực vật, biến đổi trong đặc tính vật lý của đất, trong quần thể động, thực vật và tác động đến các yếu tố hình thành khí hậu (Muller, 2004).

Đánh giá biến động SDD có thể được hiểu là: Việc theo dõi, giám sát và quản lý đối tượng nghiên cứu để từ đó thấy được sự thay đổi về đặc điểm, tính chất của đối tượng nghiên cứu. Ví dụ: Diện tích đất chuyên mục đích sử dụng, diện tích rừng mất đi hay được trồng mới,... Đánh giá biến động hiện trạng SDD là đánh giá được sự thay đổi về loại hình SDD qua từng thời điểm dưới sự tác động từ các yếu tố tự nhiên, KT-XH, sự khai thác, sử dụng của con người. Qua đó, phân tích được nguyên nhân biến động, hướng biến động để phục vụ nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu cụ thể.

2.1.2. Những đặc điểm của biến động SDD

Muller (2003) đã chia biến động SDD thành 2 nhóm: nhóm thứ nhất là sự thay đổi từ loại hình SDD hiện tại sang loại hình SDD khác. Nhóm thứ hai là sự thay đổi về cường độ SDD trong cùng một loại hình SDD.

2.1.3. Ý nghĩa của đánh giá biến động SDD

Đánh giá biến động SDD có ý nghĩa rất lớn trong việc sử dụng, quản lý đất đai:

- Là cơ sở khai thác tài nguyên đất đai nhằm phục vụ phát triển KT-XH có hiệu quả và bảo vệ môi trường sinh thái.
- Mặt khác khi đánh giá biến động SDD cho ta biết nhu cầu SDD giữa các ngành KT-XH, an ninh quốc phòng. Dựa vào vị trí địa lý, diện tích tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của khu vực nghiên cứu, từ đó biết được sự phân bố của các ngành, các lĩnh vực kinh tế và biết được những điều kiện thuận lợi, khó khăn đối với nền KT- XH và biết được đất đai biến động theo chiều hướng tích cực hay tiêu cực, để từ đó đưa ra những phương hướng phát triển đúng đắn cho nền kinh tế và các phương pháp sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất, bảo vệ môi trường sinh thái.

Do đó đánh giá biến động SDD có ý nghĩa hết sức quan trọng là tiền đề, cơ sở đầu tư và thu hút nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài, để phát triển đúng hướng, ổn định trên tất cả mọi lĩnh vực KT-XH và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá của quốc gia

2.2. Tổng quan khu vực nghiên cứu

2.2.1. Vị trí địa lý

La Gi vốn là thị trấn huyện lỵ thuộc huyện Hàm Tân – tỉnh Bình Thuận được nâng cấp, mở rộng thành đô thị loại IV vào tháng 06/2005 và chính thức thành lập TX La Gi theo Nghị định số 114/2005/NĐ-CP ngày 05/09/2005 của Chính phủ với vai trò là trung tâm tiểu vùng Tây Nam tỉnh Bình Thuận. Gồm 5 phường: Phước Hội, Phước Lộc, Tân Thiện, Tân An, Bình Tân và 4 xã: Tân Phước, Tân Tiến, Tân Hải, Tân Bình. Diện tích là 18.273 ha chiếm khoảng 2,34% diện tích tỉnh Bình Thuận (Cục thống kê Bình Thuận, 2015).

Tọa độ địa lý nằm trong khoảng $10^{\circ}40'54''$ đến $10^{\circ}46'35''$ vĩ độ Bắc và từ $107^{\circ}40'45''$ đến $107^{\circ}53'59''$ kinh độ Đông. Về tiếp giáp:

- Phía Bắc giáp huyện Hàm Tân;
- Phía Nam giáp biển Đông;
- Phía Đông giáp huyện Hàm Thuận Nam;
- Phía Tây giáp huyện Hàm Tân.

Ranh giới hành chính TX La Gi được thể hiện qua Hình 2.1

[illegible]

2.2.2. Điều kiện tự nhiên

TX nằm trong vùng đồng bằng duyên hải, có địa hình đồi thoải lượn sóng chuyển tiếp sang cồn cát cửa sông, vừa đồng bằng nhưng xen lẫn những đồi thấp trung du lượn sóng và cồn cát, bao gồm các dạng chính (Phan Chính, 2015):

- 4

- Khu vực trung tâm bao gồm phường Phước Hội, Tân Thiện, Bình Tân, Tân An có địa hình khá bằng phẳng, cao độ trung bình.
- Khu vực phía Bắc và Tây Bắc gồm các xã Tân Tiến, Tân Bình, Tân Hải có cao độ từ 8- 42,5 m, với đặc trưng địa hình đồi thấp thoải, độ dốc trung bình 3- 6%.

Với đặc điểm địa hình như vậy sẽ là điều kiện thuận lợi cho TX đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, các khu đô thị mới cũng như phát triển kinh tế biển với nhiều cảnh quan đa dạng và phong phú.

2.2.2.2 Khí hậu (Phan Chính, 2015)

TX La Gi mang đặc thù của khí hậu nhiệt đới gió mùa vùng duyên hải Nam Trung Bộ, chịu ảnh hưởng nhiều của khí hậu đại dương với 2 mùa rõ rệt: Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 và mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, nhiều gió, nhiều nắng, ít bão, không có sương muối; nhiệt độ trung bình hàng năm từ 26 °C đến 27 °C. Tháng 1, tháng 2 và tháng 12 (nhiệt độ trung bình 25,5 °C) mát hơn so với các tháng khác trong năm.

Tổng lượng mưa bình quân năm 1.500- 1.600 mm (năm 2005 chỉ đạt 1.260 mm). Lượng mưa phân bố không đều theo các tháng trong năm; tập trung nhiều ở các tháng 7, 8, 9 với lượng mưa bình quân 400- 450 mm/tháng (chiếm tới 75- 80% lượng mưa cả năm). Các tháng 2, 3 và 4 có lượng mưa thấp hoặc hầu như không mưa, trung bình khoảng 60- 70 mm/tháng.

Hướng gió thịnh hành là gió mùa Đông Bắc (từ tháng 11 đến tháng 4) và gió mùa Tây Nam (từ tháng 5 đến tháng 10), tốc độ gió trung bình là 3- 6 m/s, mạnh nhất 20- 40 m/s. Độ ẩm không khí bình quân năm là 81- 82%, các tháng có độ ẩm cao nhất là từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Trong mùa khô, đặc biệt vào những tháng cuối mùa, lượng mưa ít, độ ẩm không khí thấp, lượng bốc hơi cao, làm tăng khả năng hạn hán, việc phát triển các loại cây trồng gặp nhiều khó khăn.

2.2.2.3 Thủy văn

Hệ thống thủy văn của TX chịu ảnh hưởng chính của sông Dinh, sông Phan, suối Lò Ô, suối Dừa, suối Đót, suối Phên... nhìn chung sông suối trên địa bàn TX thường ngắn, độ dốc lớn, phần thảm thực vật đang bị suy kiệt, dẫn đến khả năng giữ và điều tiết nước kém, chế độ dòng chảy của sông phụ thuộc vào chế độ mưa

2.2.2.4 Thổ nhưỡng

Đất đai La Gi hình thành trên tập hợp đá mẹ và mẫu chất sau:

- Đá granit bao phủ một diện tích khá lớn trên địa bàn. Đá Granite có thành phần hóa học với hàm lượng SiO₂ tương đối cao (60-70%), Fe₂O₃ thấp (0,2-1,4%), chứa nhiều K₂O. Đá bị phong hóa tạo nên sườn tích rất thô, gồm có cát silic với mảnh đá vụn trôi thành lớp, nằm theo triền và vây quanh chân núi. Đá granit hình thành ra 3 nhóm đất là đất đỏ vàng, đất xám và đất xói mòn trơ sỏi đá, trong đó nhóm đất xám và đất đỏ vàng là chủ đạo, với đặc tính rửa trôi, hoạt tính thấp và thành phần cơ giới nhẹ, chủ yếu là cát pha, thịt nhẹ.

- Đá sét phát hiện thấy trong lớp vỏ thổ nhưỡng ở Bình Thuận nói chung và La Gi nói riêng, chiếm khoảng 5-6% diện tích lãnh thổ. Đá sét rất cổ (tuổi Mezôzôic), là nền móng của lãnh thổ nhưng một phần lớn diện tích bị Aluvi Neogen và bazan phủ lấp lên. Đá có màu thay đổi, mức độ phong hóa cao. Đất trên đá sét thường có màu đỏ vàng hay vàng nhạt, thành phần cơ giới trung bình đến nặng, các chất dinh dưỡng khá. Tuy nhiên do phong hóa mạnh cùng với quá trình xói mòn rửa trôi mạnh nên đất thường có tầng mỏng, nhiều nơi đất trơ sỏi đá hoặc đá non mọc nát trơ trên mặt đất.

2.2.3. Điều kiện KT-XH

2.2.3.1 Điều kiện kinh tế

La Gi có nhiều thế mạnh để phát triển kinh tế biển. Với ngư trường rộng lớn, thủy hải sản dồi dào, La Gi đã xây dựng được đội tàu 2.044 chiếc, công suất bình quân 114,6 CV/chiếc, với trang thiết bị khá hiện đại đánh bắt xa bờ, sản lượng khai thác, đánh bắt hàng năm đạt khoảng 53.000- 55.000 tấn, đã góp phần giải quyết công ăn việc làm và tăng thu nhập cho lao động tại địa phương. Trong hoạt động khai thác thủy hải sản, ngư dân đã chú trọng đến việc chuyển đổi cơ cấu thuyền nghề, chú ý khai thác các loại hải sản có giá trị kinh tế cao. Các doanh nghiệp chế biến cũng đã thay dần những phương thức chế biến lạc hậu, thủ công bằng những công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm để có thể xuất khẩu. Thủy sản được La Gi xác định là ngành kinh tế mũi nhọn trước mắt và lâu dài của địa phương, cần đầu tư phát triển toàn diện cả khai thác, nuôi trồng, chế biến và bảo vệ nguồn lợi. Trong đó đẩy mạnh khai thác đánh bắt xa bờ theo mô hình tổ, đội gắn với dịch vụ hậu cần nghề cá trên biển và khai thác hợp lý nguồn lợi thủy sản ven bờ, tăng cường công tác quản lý, hạn chế tàu cá công suất nhỏ, khuyến khích phát triển tàu đánh bắt xa bờ.

TX La Gi có nhiều tiềm năng và thế mạnh để phát triển du lịch và kinh tế biển. Tuy nhiên, theo Chủ tịch UBND TX La Gi thì tình hình đầu tư tại địa phương vẫn còn nhiều khó khăn. Hiện nay, La Gi có 42 dự án đầu tư đã đăng ký, nhưng mới có 6 dự án đã thực hiện và hầu hết là các dự án về du lịch. Nhiều dự án đăng ký đã lâu vẫn chưa được khởi công bởi nhiều lý do, trong đó lý do chủ yếu là cơ sở hạ tầng của địa phương như đường giao thông, điện, liên lạc viễn thông... còn thiếu và yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu của nhà đầu tư.

Trong chiến lược phát triển bền vững KT- XH từ nay đến 2015 tầm nhìn năm 2020, La Gi tập trung huy động mọi nguồn vốn phục vụ đầu tư phát triển, phấn đấu tổng mức huy động toàn xã hội đạt 800 tỷ đồng; tranh thủ và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn từ trung ương, vốn trái phiếu chính phủ để đầu tư phát triển kinh tế hạ tầng xã hội, như: giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, điện, y tế, giáo dục, đào tạo và các lĩnh vực khác. Triển khai đề án làm đường giao thông nông thôn và bê tông hóa hẻm nội thị. Tiếp tục tạo quỹ đất đầu giá để tạo nguồn thu ngân sách xây dựng kết cấu hạ tầng xã hội, chỉnh trang đô thị. Tổng rà

soát lại tất cả các dự án đầu tư đã đăng ký để có hướng hỗ trợ hoặc xử lý thích hợp. TX La Gi cũng luôn sẵn sàng trải thảm đỏ, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để đón các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân phấn đấu đưa TX La Gi trở thành đô thị loại 3 trong thời gian tới (Lê Bá Lư, 2013).

TX có tổng cộng 34 trường học: 23 trường tiểu học 8 trường trung học cơ sở và 3 trường trung học phổ thông. Năm 2014- 2015 TX La Gi có tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 97,39%, tức 1719 em tốt nghiệp trên tổng số 1765 em đi thi; đây là con số khá cao, cho thấy việc chú trọng phát triển nền giáo dục ở TX, tiềm năng phát triển về nguồn nhân lực tri thức cao (Niên giám thống kê tỉnh Bình Thuận, 2014).

Về y tế: trên toàn địa bàn TX có tổng cộng 10 cơ sở y tế, trong đó có 1 bệnh viện và 9 trạm y tế với 245 giường bệnh, 193 cán bộ phục vụ nhu cầu y tế cho người dân (Niên giám thống kê tỉnh Bình Thuận, 2014).

2.2.3.2 Quy mô và cơ cấu dân số

Dân số TX La Gi là 107.945 người (2014) trong đó số dân thành thị là 70.212 người (chiếm khoảng 65,04%) còn 37.733 người là số dân nông thôn. Trong tổng số dân của TX tỷ lệ nam- nữ cũng không chênh lệch nhiều 54.500- 53.445. Dân số từng phường, xã của TX La Gi được thể hiện chi tiết ở bảng 2.1

Bảng 2.1 Diện tích, dân số, mật độ dân số TX La Gi

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích (km ²)	Dân số (người)	Mật độ (người/km ²)
	Tổng số	182,73	105.683	578
1	Phường Phước Hội	1,77	16.625	9.393
2	Phường Phước Lộc	1,35	14.291	10.586
3	Phường Tân Thiện	3,78	7.220	1.910
4	Phường Tân An	6,02	12.664	2.104
5	Phường Bình Tân	3,26	18.405	5.646
6	Xã Tân Hải	34,27	8.168	238
7	Xã Tân Tiến	42,72	10.368	249
8	Xã Tân Bình	57,83	6.766	117
9	Xã Tân Phước	32,73	11.176	341

(Cục thống kê Bình Thuận, 2010)

2.2.4. Tình hình SDD

Đất ở TX La Gi chủ yếu được sử dụng trong nông nghiệp với diện tích đất nông nghiệp chiếm tới 82,67% (năm 2010) tổng diện tích tự nhiên; trong đó đất trồng lúa, cây lâu năm, rừng sản xuất chiếm tỷ lệ cao. Đất phi nông nghiệp chiếm 15,02% còn lại là đất chưa sử dụng với 2,30%. Chi tiết như bảng 2.2

Bảng 2.2 Hiện trạng SDD ở TX La Gi năm 2010

STT	Loại đất	Hiện trạng sử dụng năm 2010	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích	18.272,64	100,00
1	Đất nông nghiệp	15.106,25	82,67
1.1	Đất trồng lúa	1.741,35	9,53
	Đất chuyên trồng lúa nước	1.344,13	7,36
1.2	Đất trồng cây lâu năm	7.507,94	41,09
1.3	Đất rừng phòng hộ		
1.4	Đất rừng sản xuất	3.791,00	20,75
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	156,60	0,86
1.6	Đất làm muối	1,07	0,01
1.7	Đất nông nghiệp còn lại	1.908,29	10,44
2	Đất phi nông nghiệp	2.745,41	15,02
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	13,08	0,07
2.2	Đất quốc phòng	60,07	0,33
2.3	Đất an ninh	3,53	0,02
3.4	Đất khu công nghiệp	164,90	0,90
2.5	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	503,03	2,75
2.6	Đất sản xuất VLXD gồm sứ	7,36	0,04
2.7	Đất cho hoạt động khoáng sản	63,48	0,35
2.8	Đất di tích, thắng cảnh	4,32	0,02
2.9	Đất bãi thải, xử lý rác	45	0,25
2.10	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	26,62	0,15
2.11	Đất nghĩa trang	139,24	0,76
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	190,50	1,04
2.13	Đất phát triển hạ tầng	579,16	3,17
2.14	Đất ở tại nông thôn	250,46	1,37
2.15	Đất ở tại đô thị	291,49	1,60
2.16	Đất phi nông nghiệp còn lại	403,17	2,21
3	Đất chưa sử dụng	420,98	2,30

(UBND tỉnh Bình Thuận, 2013)

2.3. Tình hình nghiên cứu liên quan đến vấn đề nghiên cứu

Hiện nay, có rất nhiều nghiên cứu về SDD, đặc biệt là biến động SDD; một số đề tài được nghiên cứu như sau:

Nguyễn Thị Thu Hiền, 2015, luận án tiến sĩ “Nguyên cứu biến động và đề xuất các giải pháp quản lý SDD hợp lý huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh”. Biến động SDD được nghiên cứu trong giai đoạn 2000 – 2010 với mục tiêu đánh giá biến động SDD và xác định ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên xã hội đến biến động SDD huyện Tiên Yên tỉnh Quảng Ninh; đề xuất các giải pháp quản lý SDD hợp lý trên địa bàn huyện Tiên Yên tỉnh Quảng Ninh. Nghiên cứu đã sử dụng công nghệ viễn thám và GIS để thực hiện xử lý ảnh vệ tinh, thành lập bản đồ,... Qua nghiên cứu, tác giả đã thành lập bản đồ biến động SDD tại huyện Tiên Yên giai đoạn 2000-2005 và giai đoạn 2005- 2010; ngoài ra còn xác định được các yếu tố KT-Xh ảnh hưởng đến biến động SDD và đề ra 3 giải pháp nhằm quản lý SDD tốt hơn: giải pháp về chính sách, về kỹ thuật, các giải pháp khác.

Lê Đức Hạnh cùng ctv, 2013, xây dựng bản đồ biến động SDD tỉnh Nam Định. Nghiên cứu đã sử dụng tích hợp viễn thám và GIS trong việc xử lý ảnh vệ tinh SPOT, tách thông tin, chồng lớp bản đồ. Qua nghiên cứu, tác giả đã xây dựng được bản đồ biến động SDD tỉnh Nam Định giai đoạn 2003- 2011; đồng thời, đưa ra nguyên nhân chính dẫn đến biến động SDD là do yếu tố KT-XH, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế; và quá trình bồi xói tự nhiên của vùng ven biển tỉnh Nam Định.

Tóm lại, với nhiều ưu thế vượt trội, công nghệ GIS đã khẳng định tầm quan trọng trong các nghiên cứu về biến động, đặc biệt là biến động SDD, cho chúng ta kết quả nhanh và chuẩn xác. Để việc đánh giá, xác định xu hướng biến động trở nên dễ dàng thuận lợi.

CHƯƠNG 3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Dữ liệu

Dữ liệu thu thập để thực hiện đề tài được thể hiện ở bảng 3.1

Bảng 3.1 Dữ liệu thu thập

STT	Tên dữ liệu	Mô tả	Nguồn
1	Bản đồ HTSDĐ La Gi 2010	Hệ tọa độ: VN 2000 Tỷ lệ:1:115 000	Phân viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp Miền Nam.
2	Bản đồ HTSDĐ La Gi 2014	Hệ tọa độ: UTM WGS 84 Tỷ lệ:1:25000	Phân viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp Miền Nam.

3.2. Phương pháp

Phương pháp thực hiện đề tài được thể hiện qua Hình 3.1

Các bước thực hiện:

Bước 1: Thu thập dữ liệu: Bản đồ hiện trạng SDD TX La Gi năm 2010 và năm 2014 (Phân viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp Miền Nam); số liệu niên giám thống kê; thông tin về điều kiện tự nhiên, KT-XH của TX La Gi.

Bước 2: Xử lý số liệu:

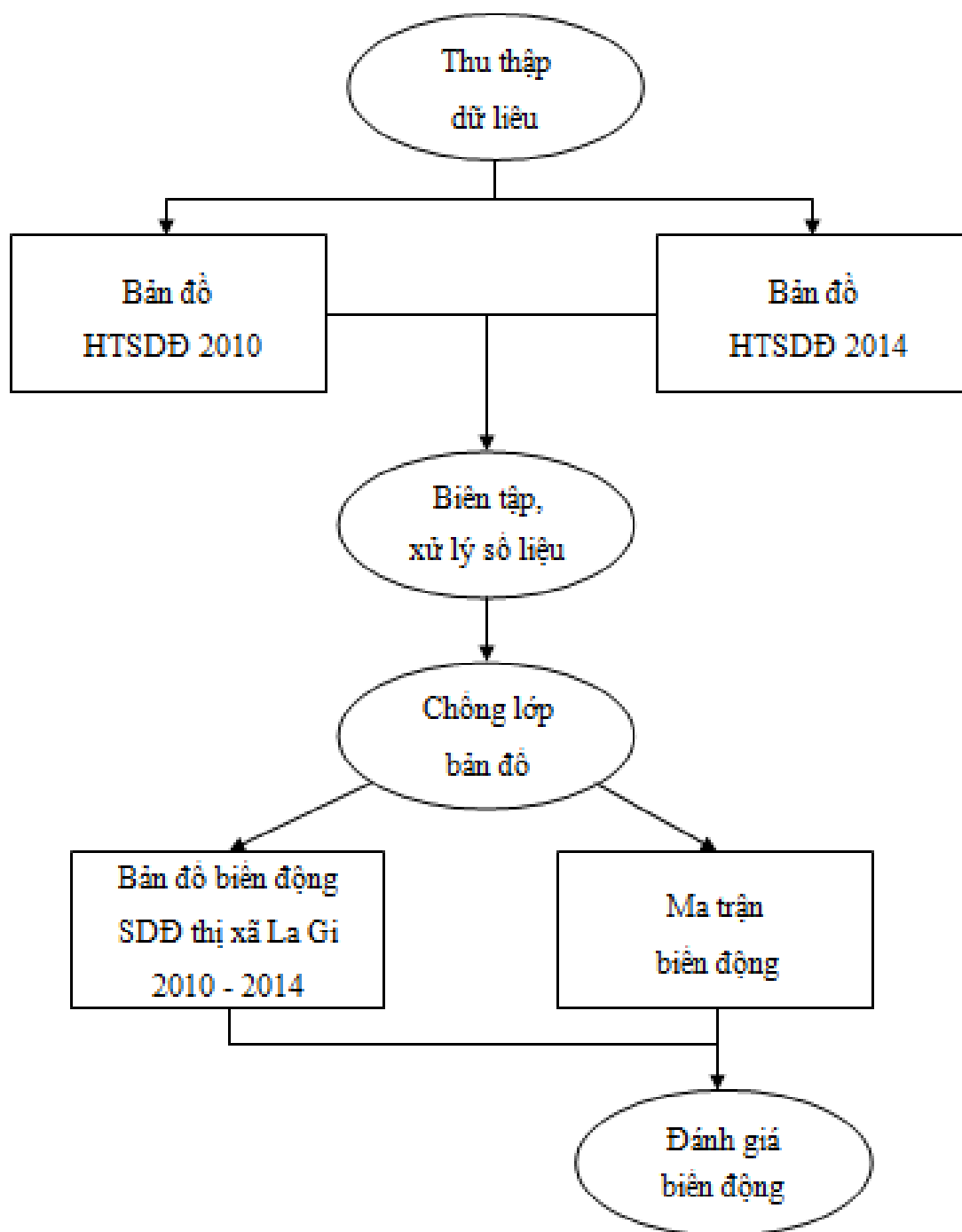
- Chuyển bản đồ SDD tại TX La Gi năm 2010 (.tab) và bản đồ SDD tại TX La Gi năm 2014 (.dgn) về định dạng shapefile sử dụng trong Arcgis (.shp); thiết lập, chuyển đổi về cùng hệ tọa độ UTM WGS 84.

- Cập nhật thuộc tính cho từng đối tượng lỗi do quá trình chuyển đổi định dạng.

- Phân tích, sửa lỗi hình học thành lập bản đồ hiện trạng SDD TX La Gi năm 2010 và 2014 hoàn chỉnh.

Bước 3: Chồng lớp bản đồ sử dụng công cụ Intersect trong Arcgis; tính diện tích cho các loại hình SDD; thành lập bản đồ biến động SDD tại TX La Gi trong giai đoạn 2010-2014.

Bước 4: Từ bản đồ vừa thành lập xuất ra ma trận biến động nhằm đánh giá tốc độ biến động SDD trong giai đoạn 2010 – 2014 tại khu vực nghiên cứu.



Hình 3.1 Sơ đồ phương pháp nghiên cứu

CHƯƠNG 4. KẾT QUẢ, THẢO LUẬN

4.1. Bản đồ hiện trạng SĐĐ TX La Gi năm 2010

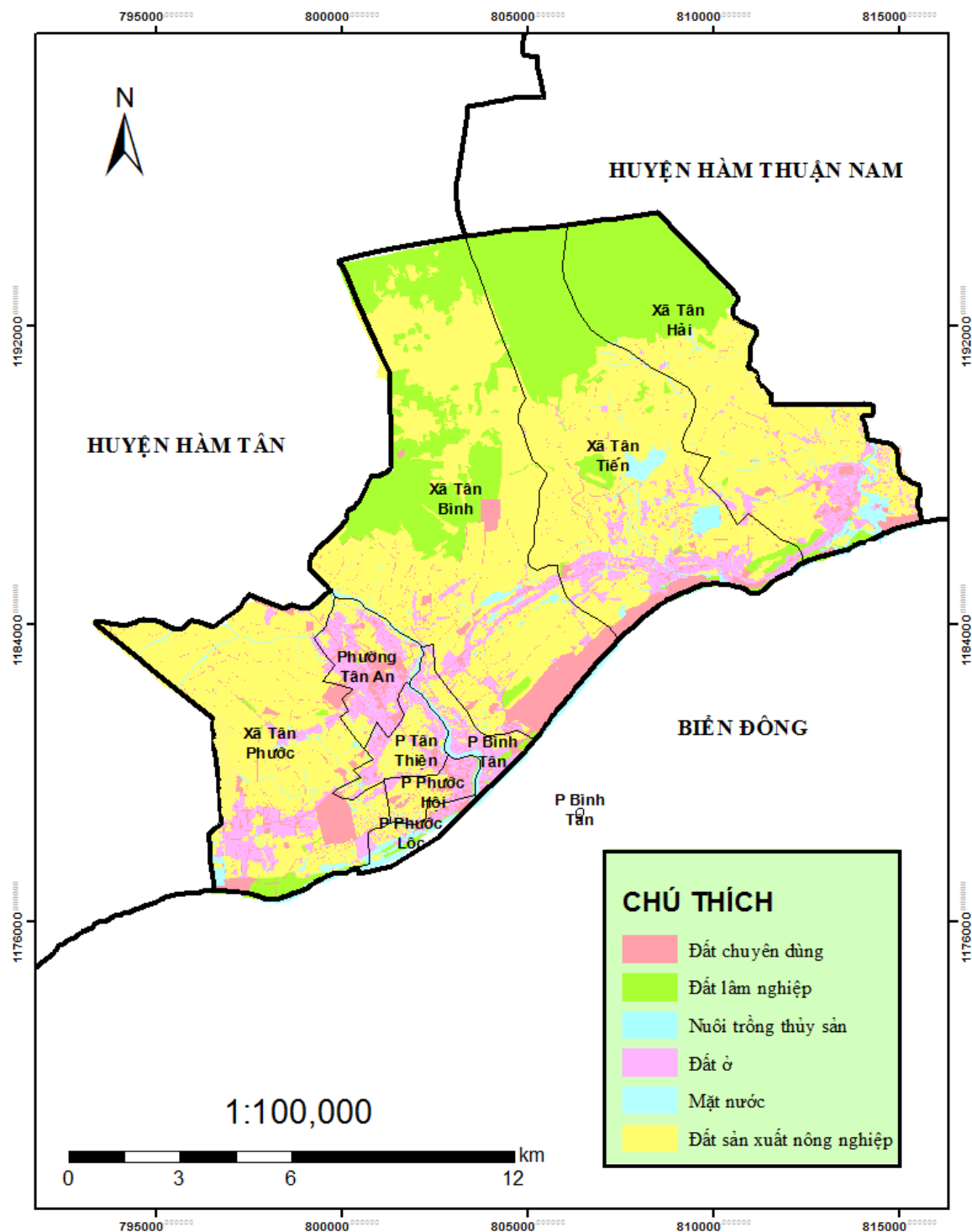
Hiện trạng SĐĐ ở TX được chia thành 06 loại hình chính: đất chuyên dùng, đất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất ở, mặt nước chuyên dùng, đất sản xuất nông nghiệp. Trong đó, đất sản xuất nông nghiệp có diện tích lớn nhất, chiếm 55,70% diện tích rừng tự nhiên của TX; tiếp sau đó là đất lâm nghiệp, đất ở với cơ cấu lần lượt là 22,04% và 10,09%; các loại hình SĐĐ còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, được thể hiện cụ thể ở Bảng 4.1.

Bảng 4.1 Bảng diện tích và cơ cấu các loại hình SĐĐ TX La Gi năm 2010

Loại hình SĐĐ	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
SXN	10.408,11	55,70
LNP	4.118,75	22,04
NTS	95,61	0,51
OTC	1.884,81	10,09
CDG	1.365,40	7,31
SMN	814,18	4,36
Tổng	18.686,86	100,00

Sự phân bố các loại hình SĐĐ được thể hiện chi tiết như Hình 4.1; qua đó ta thấy đất lâm nghiệp tập trung chủ yếu ở phía Bắc TX, đất ở tập trung ở phía Đông Nam, Tây Nam, phân bố dọc theo lưu vực sông và ven biển; đất sản xuất nông nghiệp có diện tích lớn chiếm hơn 55% diện tích khu vực, phân bố đều khắp khu vực.

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT TẠI THỊ XÃ LA GI NĂM 2010



Hình 4.1 Bản đồ hiện trạng SĐĐ TX La Gi năm 2010

4.2. Bản đồ hiện trạng SĐĐ TX La Gi năm 2014

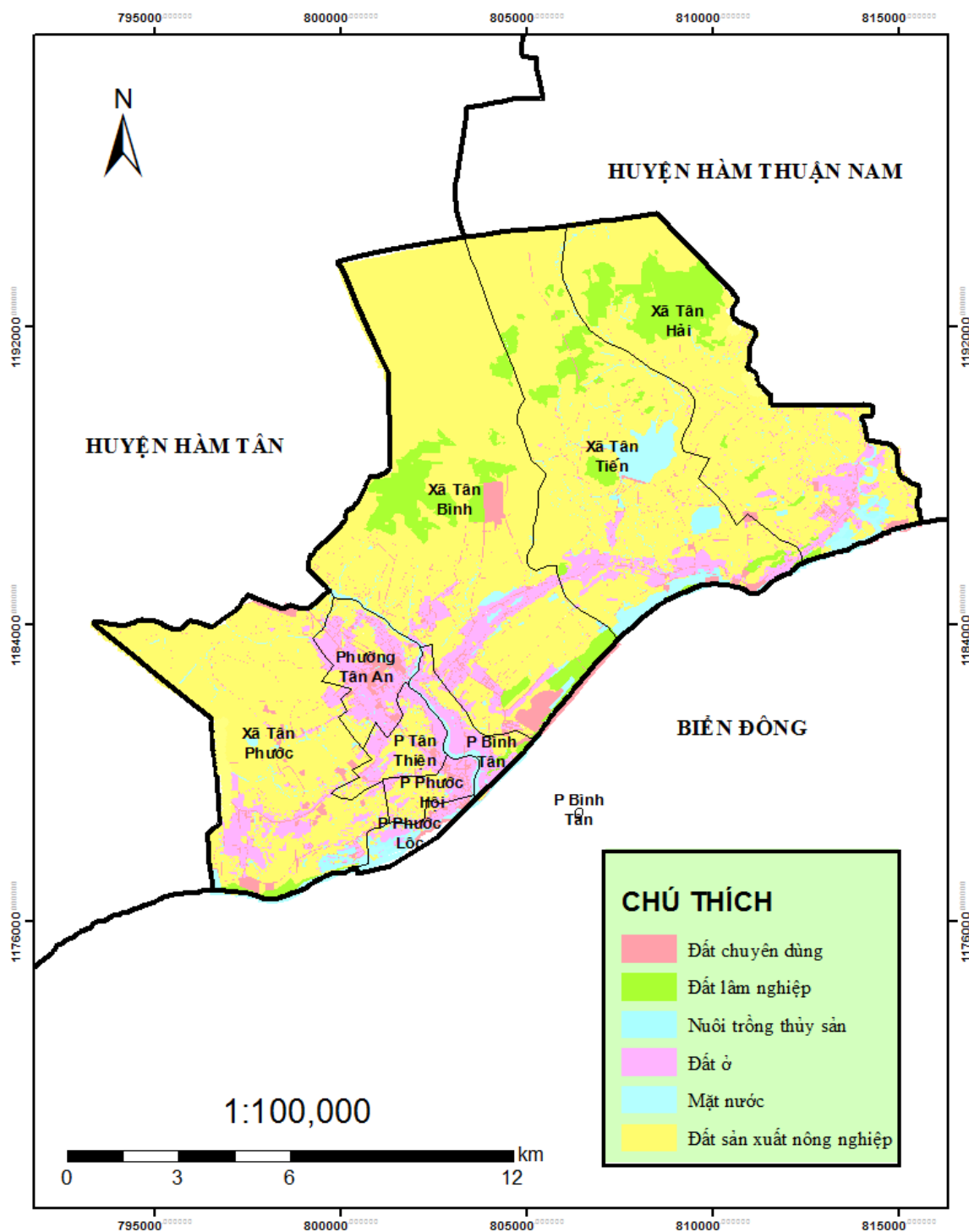
Hiện trạng SĐĐ ở TX được chia thành 06 loại hình chính: đất chuyên dùng, đất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất ở, mặt nước chuyên dùng, đất sản xuất nông nghiệp. Trong đó, đất sản xuất nông nghiệp có diện tích lớn nhất, chiếm 70,23% diện tích rừng tự nhiên của TX; tiếp sau đó là đất lâm nghiệp, đất ở với cơ cấu lần lượt là 7,95% và 10,82%; các loại hình SĐĐ còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, được thể hiện cụ thể ở Bảng 4.2.

Bảng 4.2 Diện tích và cơ cấu các loại hình SĐĐ TX La Gi năm 2014

Loại hình SĐĐ	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
SXN	13.123,87	70,23
LNP	1.485,28	7,95
NTS	214,58	1,15
OTC	2.021,55	10,82
CDG	872,08	4,67
SMN	969,50	5,19
Tổng	18.686,86	100,00

Về sự phân bố các loại hình SĐĐ: đất ở phân bố dọc theo lưu vực sông và ven biển; đất sản xuất nông nghiệp chiếm diện tích lớn, phân bố đều khắp khu vực, cho thấy kinh tế ở TX La Gi chủ yếu dựa vào hoạt động sản xuất nông nghiệp như sản xuất lúa, cây công nghiệp, cây ăn quả,... với cơ cấu cao chiếm tới hơn 70% diện tích tự nhiên của TX. Ngoài ra, các loại hình SĐĐ khác chiếm diện tích và cơ cấu ít hơn phân bố rải rác, cụ thể như Hình 4.2

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT TẠI THỊ XÃ LA GI NĂM 2014



Hình 4.2 Bản đồ hiện trạng SDD TX La Gi năm 2014

4.3. Đánh giá biến động SDD tại TX La Gi giai đoạn 2010- 2014

4.3.1. Quy mô biến động

Thống kê ở Bảng 4.3 cho ta thấy được toàn diện sự biến động diện tích của từng loại hình SDD, cũng như đánh giá được mức độ tăng giảm về diện tích. Nhìn chung, hầu hết các loại hình SDD đều có xu hướng tăng, chỉ có diện tích đất lâm nghiệp và đất chuyên dùng giảm. Trong đó, tốc độ tăng mạnh nhất là đất nuôi trồng thủy sản, với diện tích được tăng lên 118,97 ha, tức 124,43%; đây là mức tăng rất cao, tăng gấp 2,24 lần so với diện tích đất nuôi trồng thủy sản năm 2010; cho thấy chủ trương của thị xã đẩy mạnh phát triển ngành nuôi trồng thủy sản. Đất sản xuất nông nghiệp, đất mặt nước, đất ở cũng gia tăng về diện tích, tỷ lệ gia tăng lần lượt là 26,09; 19,08 và 7,25%; qua đó thấy được ngành nông nghiệp luôn được địa phương chú trọng phát triển, ngày càng tập trung sản xuất. Bên cạnh đó, với diện tích tăng thêm 136,74 ha của đất ở, cho thấy sự tăng trưởng về dân số ở thị xã trong giai đoạn này. Đất lâm nghiệp giai đoạn 2010- 2014 giảm mạnh, giảm hơn 0,5 lần diện tích trước đó (năm 2010), tỷ lệ giảm là 63,94%, chủ yếu chuyển đổi sang đất sản xuất nông nghiệp. Đất chuyên dùng cũng có tỷ lệ giảm khá cao, giảm 493,32 ha tức 36,13% so với năm 2010, chủ yếu chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp và đất ở.

Bảng 4.3 Thống kê diện tích các loại hình SDD giai đoạn 2010- 2014.

Loại đất	Năm 2010 (ha)	Năm 2014 (ha)	Tăng (+)	Giảm (-)
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
SXN	10.408,11	13.123,87	+2.715,00	+26,09
LNP	4.118,75	1.485,28	-2.633,47	-63,94
NTS	95,61	214,58	+118,97	+124,43
OTC	1.884,81	2.021,55	+136,74	+7,25
CDG	1.365,40	872,08	-493,32	-36,13
SMN	814,18	969,50	+155,32	+19,08
Tổng	18.686,86	18.686,86		

Mức độ biến động của từng loại hình SDD ở TX La Gi giai đoạn 2010- 2014 được thể hiện cụ thể ở Bảng 4.4. Đất sản xuất nông nghiệp có mức độ biến động ít nhất, với diện tích chuyển đổi loại hình sử dụng là 988,15 ha; chiếm 9,49% diện tích của đất sản xuất nông nghiệp năm 2010; đây là con số đứng đầu về mức độ ít biến động trong các loại hình SDD ở TX La Gi giai đoạn này. Đất ở, đất mặt nước và đất nuôi trồng thủy sản có tỷ lệ biến động trong khoảng 30- 45%; như đã nhận xét ở trên, đất nuôi trồng thủy sản có mức độ gia tăng diện tích cao nhất (124,43%) và lại có tỷ lệ biến động không nhỏ (44,18%) điều này cho thấy sự có sự thay đổi lớn về quy mô diện tích cũng như sự phân bố của loại hình SDD này. Bên cạnh đó, tỷ lệ biến động của đất chuyên dùng và đất lâm nghiệp rất cao (65,24 và 69,18%) chỉ giữ lại khoảng 30% diện tích vốn có ở năm 2010. Cả hai loại hình

SĐĐ này chủ yếu chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp và đất ở; cho thấy tầm quan trọng của ngành nông nghiệp cũng như sự chú trọng của địa phương để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, phát triển nền kinh tế.

Bảng 4.4 Diện tích, tỷ lệ biến động của từng loại hình sử dụng.

Loại hình SĐĐ	Chuyển đổi mục đích sử dụng		Không chuyển đổi mục đích sử dụng	
	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
SXN	988,15	9,49	9.419,96	90,51
LNP	2.849,47	69,18	1.269,28	30,82
NTS	42,24	44,18	53,37	55,82
OTC	615,49	32,66	1.269,32	67,34
CDG	890,83	65,24	474,57	34,76
SMN	340,68	41,84	473,50	58,16

4.3.2. Ma trận biến động

Bảng 4.5 và Bảng 4.6 thể hiện chi tiết, cụ thể sự biến động của từng loại hình SĐĐ về diện tích và tỷ lệ chuyển đổi; qua đó thấy được xu hướng thay đổi của từng loại hình SĐĐ tại TX La Gi trong giai đoạn 2010- 2014.

Như đã nhận xét, đất sản xuất nông nghiệp có diện tích giữ lại đúng loại hình sử dụng cao nhất (90,51%) và cũng là loại hình có diện tích cao nhất tại địa phương: 10.408,11 ha năm 2010; 13.123,87 ha năm 2014. Trong 988,15 ha diện tích chuyển đổi, chủ yếu là chuyển sang đất ở (442,17 ha) và đất mặt nước (237,96 ha). Ngoài ra, đất lâm nghiệp cũng chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp khá cao (2.674,55 ha), điều này dẫn đến thay đổi về phân bố loại hình SĐĐ này, được thể hiện ở Hình 4.3

Đất lâm nghiệp giảm mạnh, từ 4.118,75 ha (năm 2010) xuống 1.485,28 ha (năm 2014), chủ yếu chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp với tỷ lệ chuyển lên đến 64,94% trong tổng tỷ lệ chuyển đổi mục đích sử dụng loại hình này là 69,18%. Cho thấy được sự chú trọng phát triển sản xuất nông nghiệp tại khu vực nghiên cứu giai đoạn 2010- 2014. Sự phân bố đất lâm nghiệp được thể hiện cụ thể như Hình 4.4.

Đất nuôi trồng thủy sản có mức độ tăng về diện tích vượt trội so với các loại hình SĐĐ khác (tăng 124,43%), diện tích đất nuôi trồng thủy sản năm 2014 tăng gấp 2,24 lần so với diện tích năm 2010, tuy nhiên mức độ biến động không phải là ít (44,18%); vì diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2010 là 95,61 ha chỉ chiếm 0,51% diện tích tự nhiên của khu vực, nên các loại hình khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản đã làm diện tích đất nuôi trồng thủy sản tăng cao. Với 68,86 ha từ đất sản xuất nông nghiệp; 17,11 ha từ đất ở; 63,99 ha từ

đất mặt nước; diện tích đất nuôi trồng thủy sản vào năm 2104 là 214,58 ha; chiếm 1,15% diện tích tự nhiên của khu vực. Cho thấy TX La Gi đang bắt đầu chú trọng, từng bước phát triển kinh tế ngành nuôi trồng thủy sản. Sự phân bố đất nuôi trồng thủy sản được thể hiện chi tiết ở hình 4.5.

Đất ở có tỷ lệ gia tăng diện tích thấp: 7,25%; tăng 136,74 ha so với năm 2010. Tuy nhiên trong biến động chuyển đổi loại hình SDD, đất ở cũng có nhiều sự thay đổi. Với mức biến động là 32,66% chủ yếu là chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp (495,07 ha). Bên cạnh đó, đất sản xuất nông nghiệp, đất chuyên dùng chuyển sang đất ở khá lớn, lần lượt là 442,17 ha và 263,51 ha. Điều này sẽ dẫn đến sự thay đổi về sự phân bố đất ở khá rõ rệt (Hình 4.6).

Đất chuyên dùng cũng là loại hình giảm ở khu vực, giảm 493,32 ha tương đương 36,13% so với năm 2010. Chuyển đổi đều cho các loại hình khác với 364,75 ha sang sản xuất nông nghiệp; 130,35ha sang đất lâm nghiệp; 263,51 ha sang đất ở;... Sự phân bố của đất chuyên dùng chắc chắn có sự thay đổi lớn, được thể hiện như Hình 4.7.

Đất mặt nước tăng 155,32 ha so với năm 2010, với 473,50 ha không chuyển đổi mục đích sử dụng, tức 58,16%; chủ yếu chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp: 142,59 ha. Sự phân bố của đất mặt nước được thể hiện cụ thể như Hình 4.8.

Tổng diện tích không chuyển đổi mục đích sử dụng tại khu vực nghiên cứu giai đoạn 2010- 2014 là 12.960,00 ha tương đương 69,35%; tức tỷ lệ biến động là 30,65%; con số này thể hiện cho mức độ biến động SDD của khu vực; tỷ lệ này ở mức trung bình, cho thấy TX La Gi ngày một thay đổi, biến động không ngừng giữa các loại hình SDD. Tổng quan về sự biến động SDD tại TX được thể hiện theo Hình 4.9.

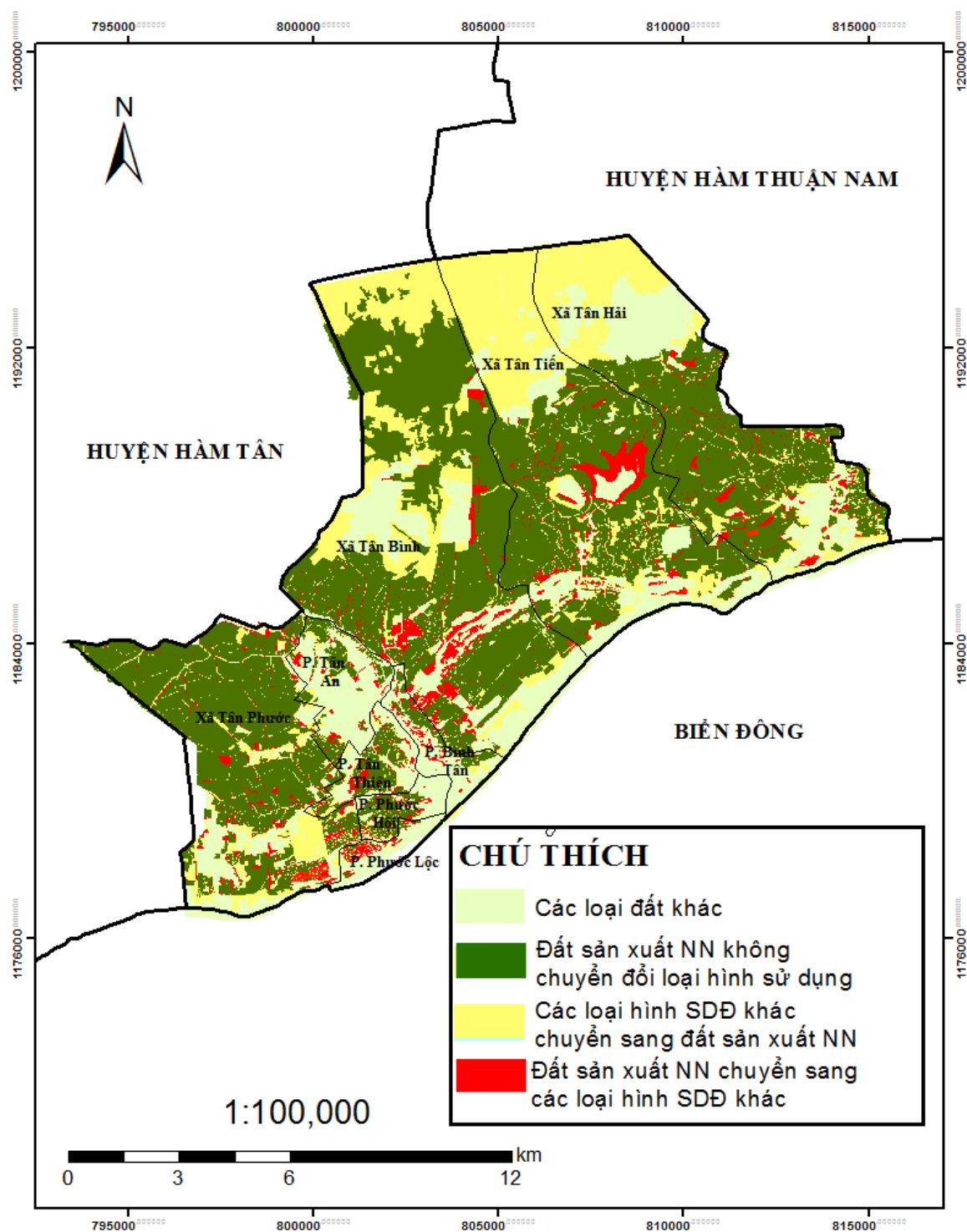
Bảng 4.5 Ma trận diện tích chuyển đổi của các loại hình SDD tại TX La Gi
giai đoạn 2010- 2014 (Đơn vị: ha)

$\frac{2014}{2010}$	SXN	LNP	NTS	OTC	CDG	SMN	Tổng
SXN	9.419,96	76,53	68,86	442,17	162,63	237,96	10.408,11
LNP	2.674,55	1.269,28	0,72	17,47	52,82	103,90	4.118,75
NTS	26,95	0,09	53,37	2,92	0,89	11,40	95,61
OTC	495,07	3,26	17,11	1.269,32	79,00	21,05	1.884,81
CDG	364,75	130,35	10,54	263,51	474,57	121,69	1.365,40
SMN	142,59	5,77	63,99	26,16	102,17	473,50	814,18
Tổng	13.123,87	1.485,28	214,58	2.021,55	872,08	969,50	18.686,86

Bảng 4.6 Ma trận tỷ lệ chuyển đổi của các loại hình SĐĐ tại TX La Gi
giai đoạn 2010- 2014 (Đơn vị : %)

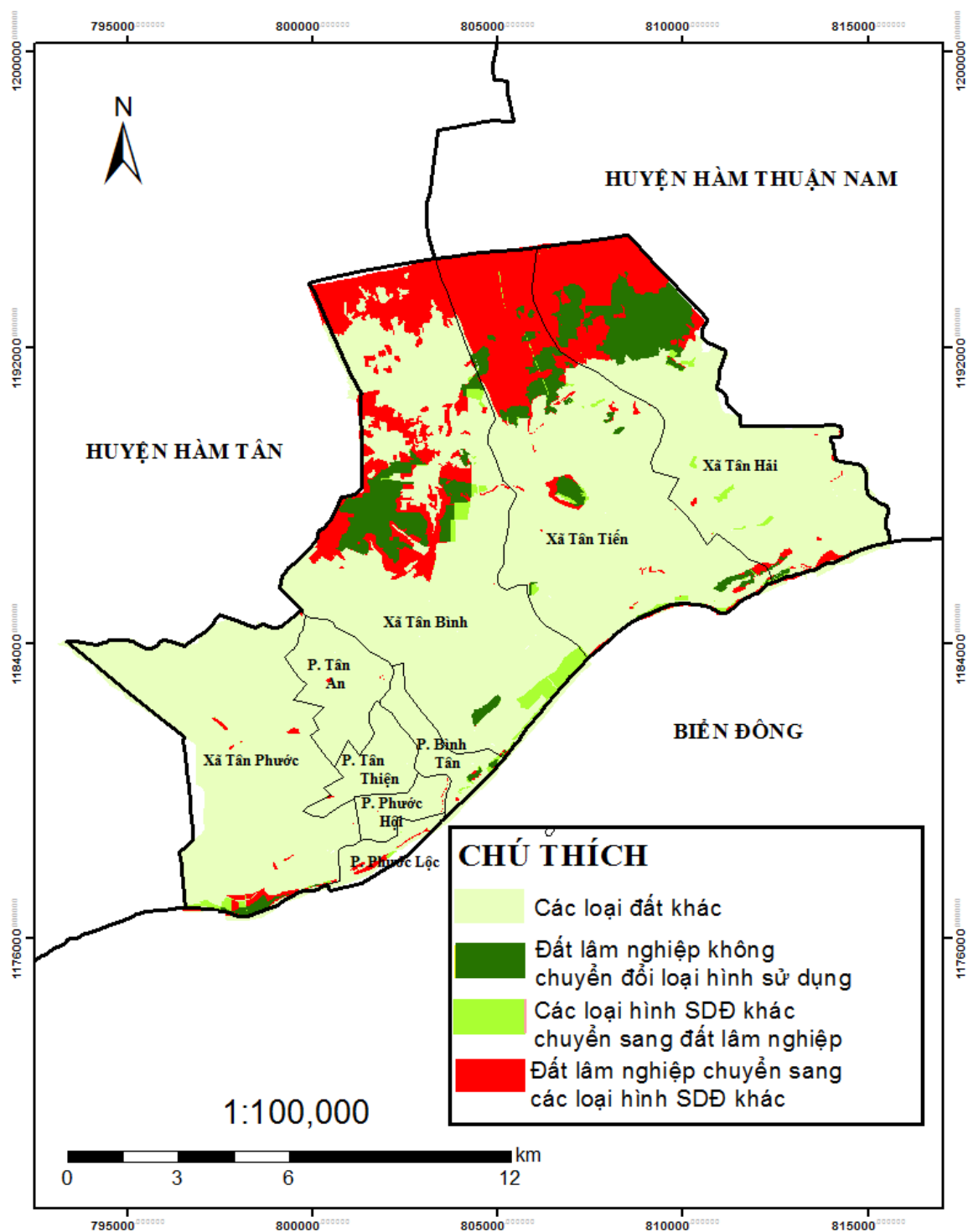
<u>2014</u> 2010	SXN	LNP	NTS	OTC	CDG	SMN	Tổng
SXN	90,51	0,74	0,66	4,25	1,56	2,29	100,00
LNP	64,94	30,82	0,02	0,42	1,28	2,52	100,00
NTS	28,18	0,10	55,82	3,05	0,93	11,92	100,00
OTC	26,27	0,17	0,91	67,34	4,19	1,12	100,00
CDG	26,71	9,55	0,77	19,30	34,76	8,91	100,00
SMN	17,51	0,71	7,86	3,21	12,55	58,16	100,00

BẢN ĐỒ BIẾN ĐỘNG ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẠI THỊ XÃ LA GI GIAI ĐOẠN 2010 - 2014



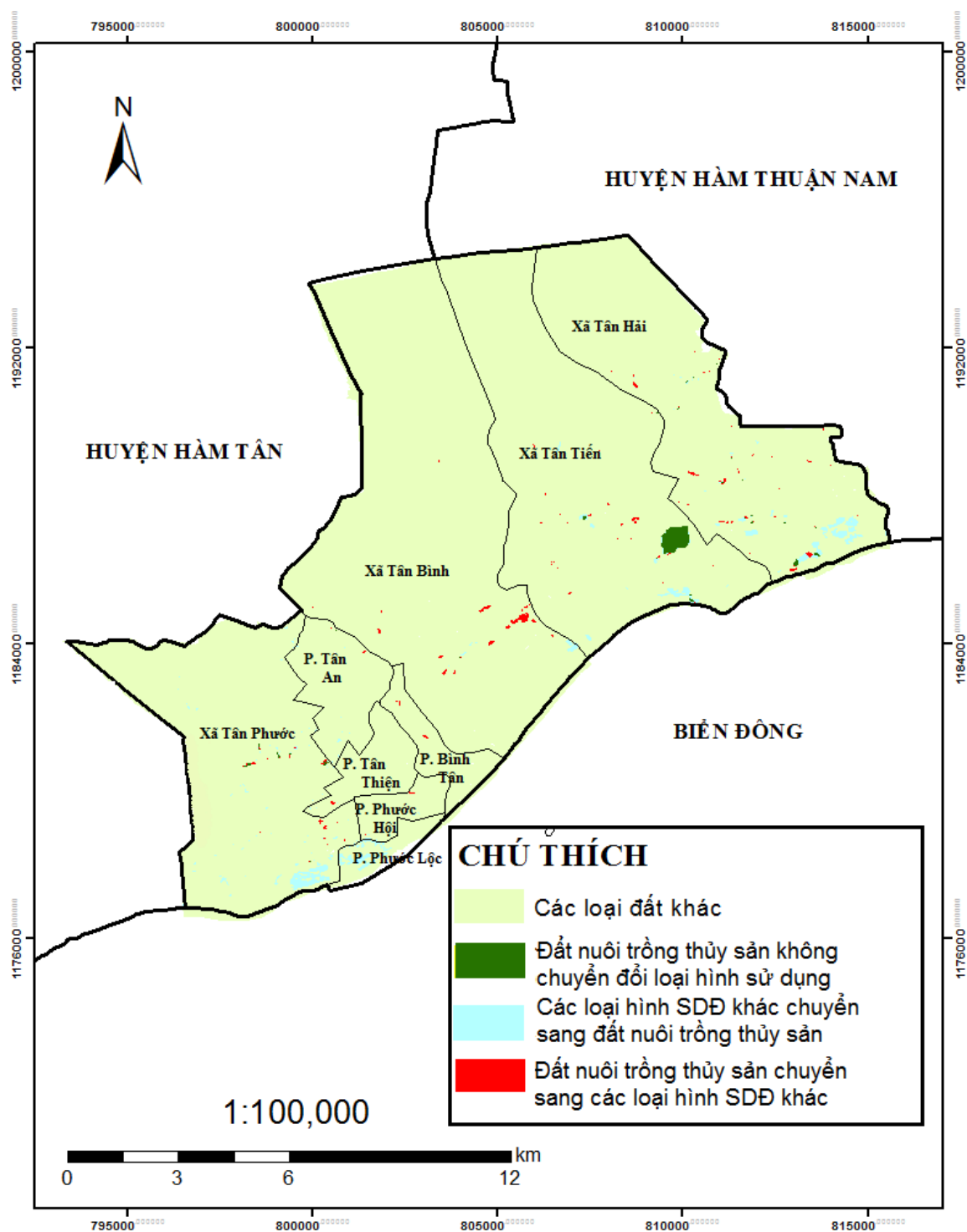
Hình 4.3 Bản đồ biến động đất sản xuất nông nghiệp tại TX La Gi
giai đoạn 2010- 2014.

BẢN ĐỒ BIẾN ĐỘNG ĐẤT LÂM NGHIỆP TẠI THỊ XÃ LA GI GIAI ĐOẠN 2010 - 2014



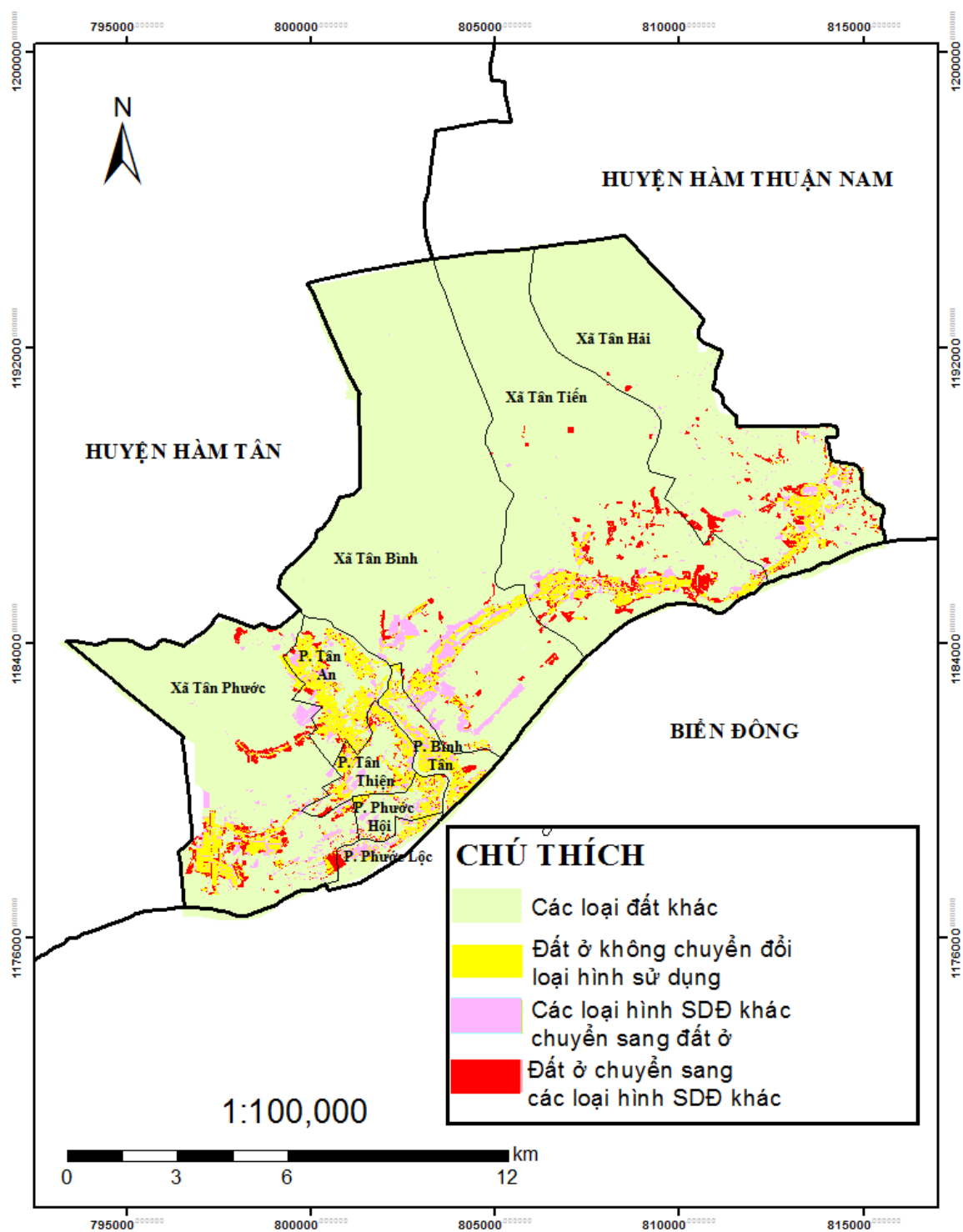
Hình 4.4 Bản đồ biến động đất lâm nghiệp tại TX La Gi giai đoạn 2010- 2014.

BẢN ĐỒ BIẾN ĐỘNG ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TẠI THỊ XÃ LA GI GIAI ĐOẠN 2010 - 2014



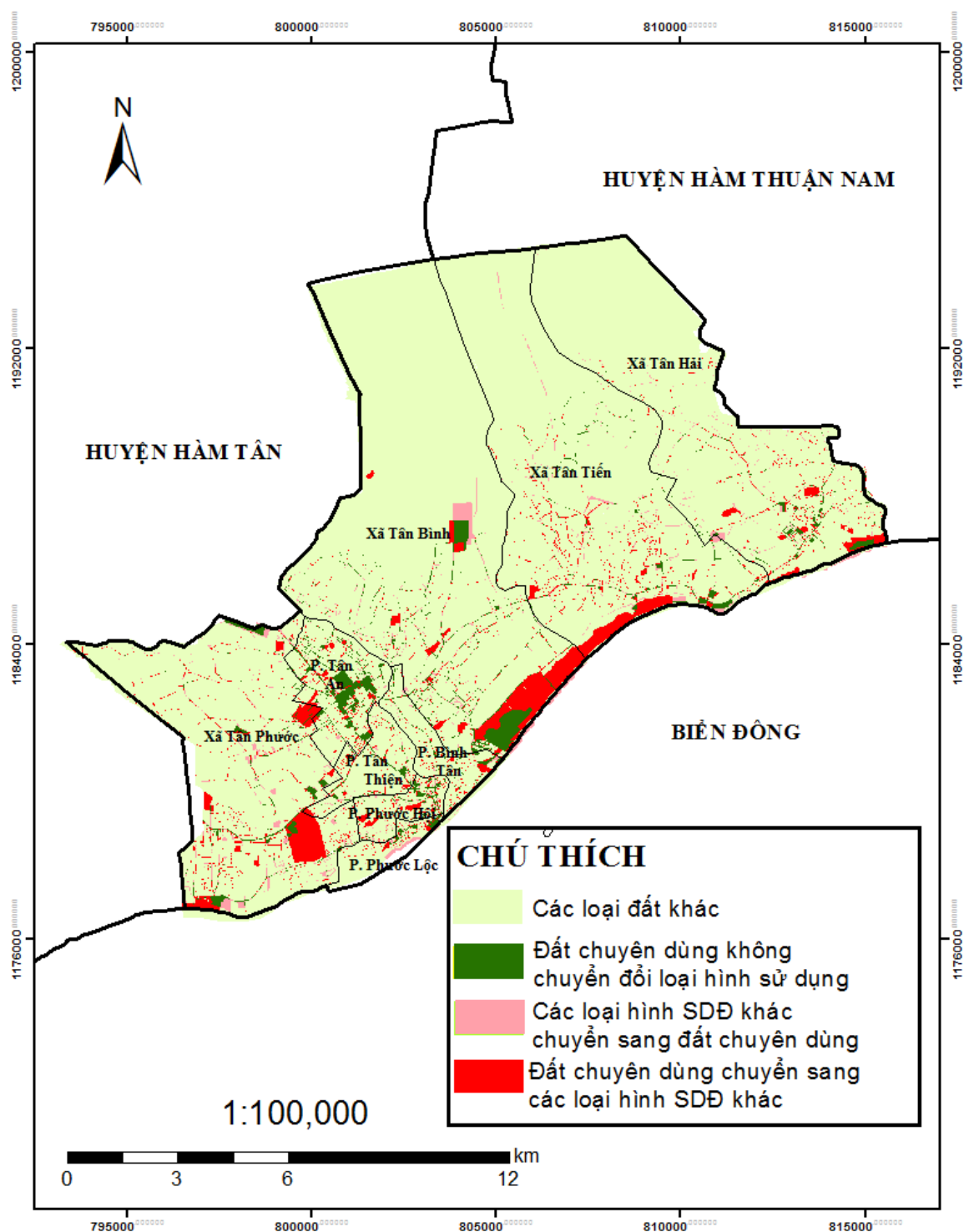
Hình 4.5 Bản đồ biến động đất nuôi trồng thủy sản tại TX La Gi giai đoạn 2010- 2014.

BẢN ĐỒ BIẾN ĐỘNG ĐẤT Ở TẠI THỊ XÃ LA GI GIAI ĐOẠN 2010 - 2014



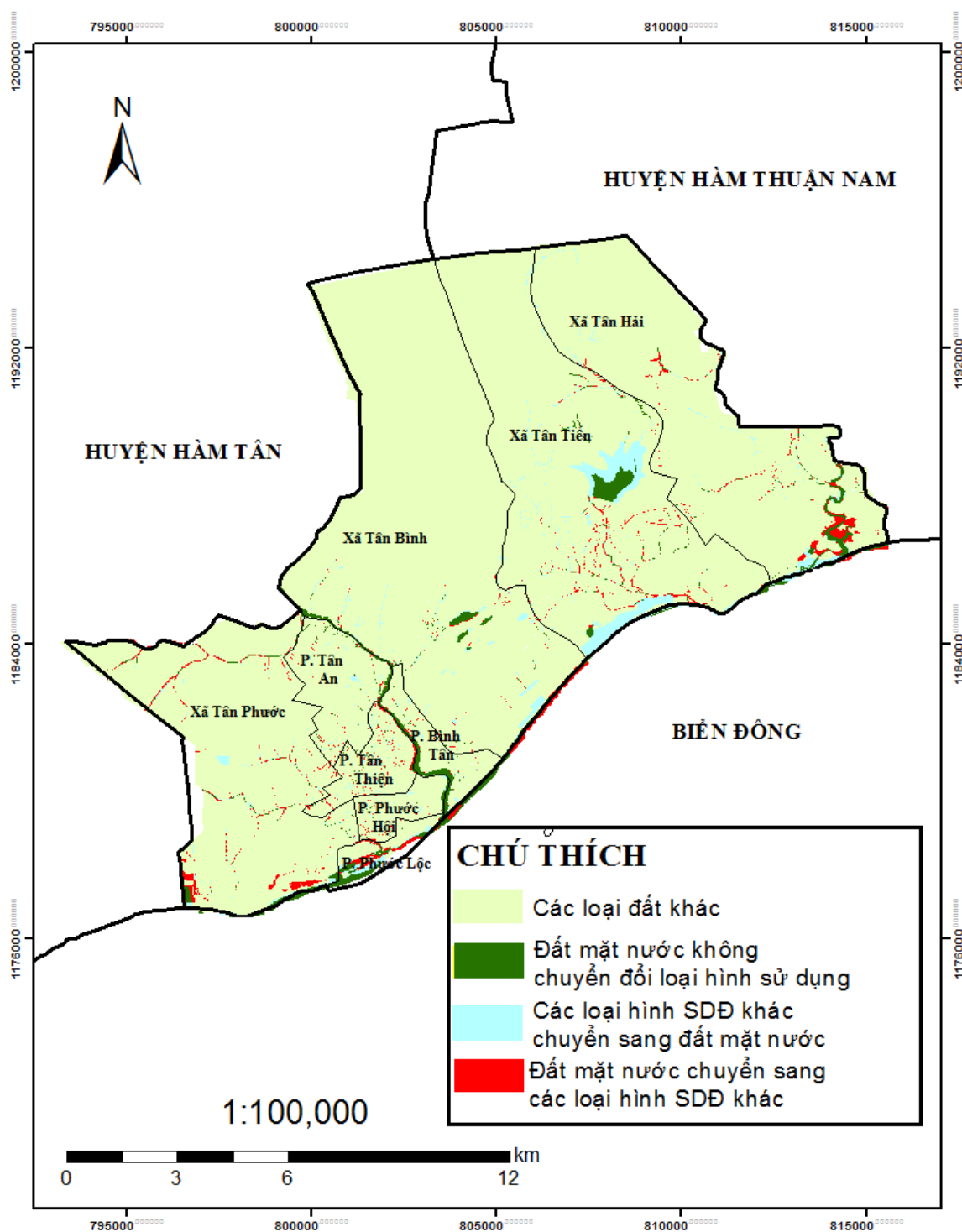
Hình 4.6 Bản đồ biến động đất ở tại TX La Gi giai đoạn 2010- 2014.

BẢN ĐỒ BIẾN ĐỘNG ĐẤT CHUYÊN DÙNG TẠI THỊ XÃ LA GI GIAI ĐOẠN 2010 - 2014



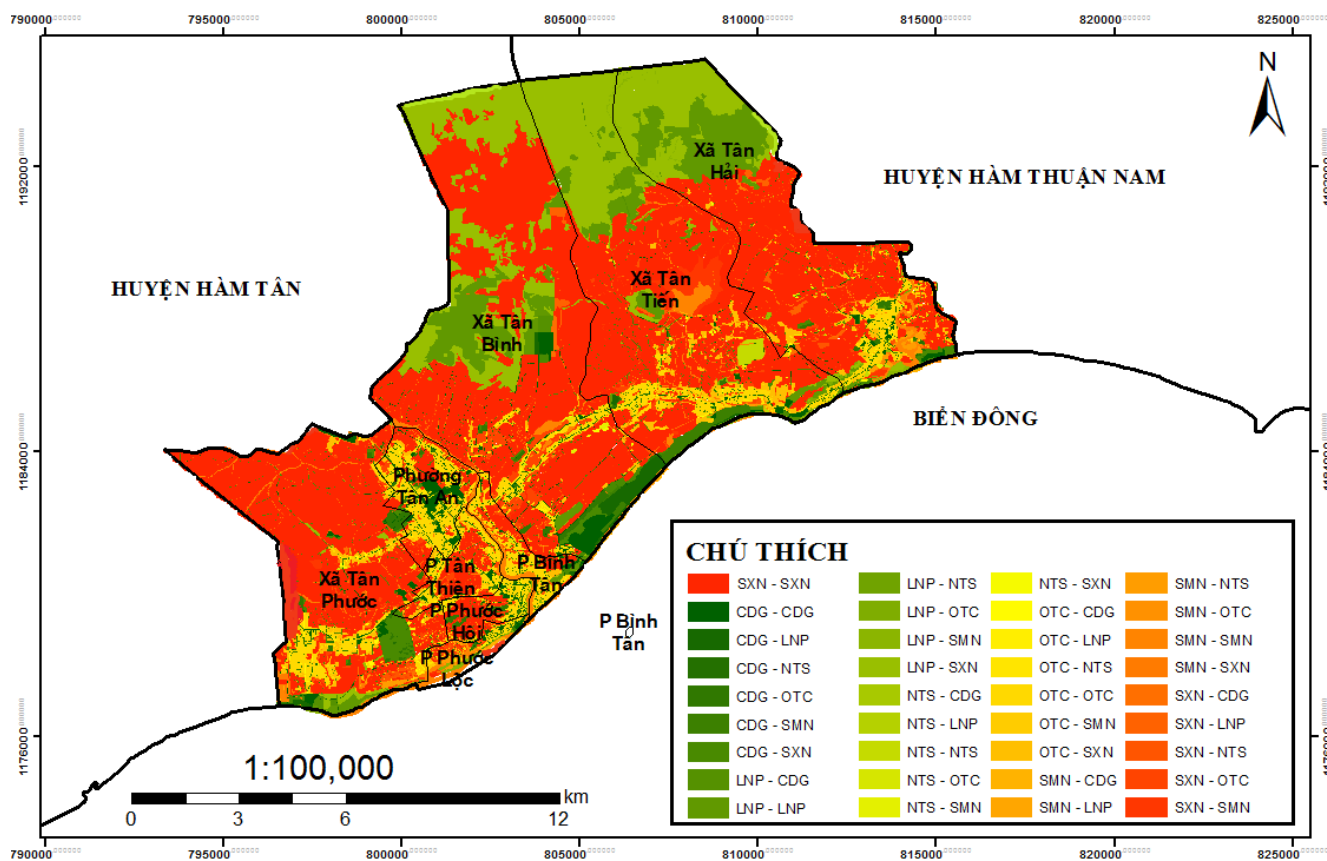
Hình 4.7 Bản đồ biến động đất chuyên dùng tại TX La Gi giai đoạn 2010- 2014.

BẢN ĐỒ BIẾN ĐỘNG ĐẤT MẶT NƯỚC TẠI THỊ XÃ LA GI GIAI ĐOẠN 2010 - 2014



Hình 4.8 Bản đồ biến động đất mặt nước tại TX La Gi giai đoạn 2010- 2014.

BẢN ĐỒ BIẾN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT TẠI THỊ XÃ LA GI GIAI ĐOẠN 2010 - 2014



Hình 4.9 Bản đồ biến động SDD tại TX La Gi giai đoạn 2010- 2014.

CHƯƠNG 5. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

Việc ứng dụng công nghệ GIS để tiếp cận, đánh giá sự biến động SĐĐ là hoàn toàn hợp lý. Vì có thể thành lập được bản đồ biến động, tính toán diện tích, ma trận biến động một cách dễ dàng, chính xác; cho cái nhìn tổng quan về tình hình biến động của khu vực nghiên cứu; từ đó đề xuất phương pháp hợp lý cho những hoạch định phát triển trong tương lai.

Sau khi hoàn thành, nghiên cứu đã đạt được kết quả như sau:

- Thành lập bản đồ biến động SĐĐ tại TX La Gi tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2010-2014.
- Thành lập bản đồ về sự biến động của từng loại hình SĐĐ tại khu vực nghiên cứu trong giai đoạn 2010- 2014.
- Đánh giá được mức độ chuyển đổi mục đích sử dụng của từng loại hình SĐĐ.

5.2. Kiến nghị

Do thời gian và kiến thức có hạn, nên đề tài nghiên cứu chỉ dừng lại ở cấp thị xã, với 06 loại hình SĐĐ chính và trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2014. Đề tài chỉ mới thành lập được bản đồ biến động và đánh giá tốc độ biến động của các loại hình SĐĐ, nhưng chưa dự báo được tình hình biến động hay mô phỏng được sự biến động trong tương lai.

Hướng nghiên cứu tiếp theo là tiến hành dự báo và mô phỏng biến động trong tương lai, từ đó áp dụng cho cấp cao hơn (thành phố, tỉnh, khu vực,...) cùng với nhiều loại hình SĐĐ chi tiết hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Cục Thống kê tỉnh Bình Thuận, 2015. Niên giám Thống kê tỉnh Bình Thuận 2014. NXB Cục Thống kê tỉnh Bình Thuận.
2. Cục Thống kê tỉnh Bình Thuận, 2011. Niên giám Thống kê tỉnh Bình Thuận 2010. NXB Cục Thống kê tỉnh Bình Thuận.
3. Lê Bá Lư, 2013. *La Gi: Tiềm năng đang vẫy gọi*. Đường link truy cập: <http://binhthuantourism.vn/article/view/---la-gi-tiem-nang-dang-vay-goi-25052013-59.html>, truy cập ngày 20.04.2016.
4. Lê Đức Hạnh, Vũ Thị Thu Lan, Hoàng Thanh Sơn và Vũ Phan Long, 2013. Ứng dụng công nghệ Viễn thám tích hợp Hệ thống thông tin địa lý (GIS) thành lập bản đồ biến động sử dụng đất tỉnh Nam Định. *Tạp chí Khoa học về Trái đất* số 35.
5. Nguyễn Thị Thu Hiền, 2015. *Nghiên cứu biến động và đề xuất các giải pháp quản lý sử dụng đất hợp lý huyện Tiên Yên tỉnh Quảng Ninh*. Luận án tiến sĩ. Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
6. Phan Chính, 2013. *Vài nét về thị xã La Gi*. Đường link truy cập: http://lagi.binhthuan.gov.vn/wps/portal/!ut/p/c4/04_SB8K8xLLM9MSSzPy8xBz9CP0os3gfDxcLQ2MDQ08DAyMDA0eDUDML3zALA7cwY_2CbEdFAMo2hQs!/?WCM_GLOBAL_CONTEXT=/qh_Lagi_vi/qh_Lagi/kho_noi_dung/gioi_thieu/sa_GioiThieuChung, truy cập ngày 27.04.2016.
7. Phi Hoàng, 2013. *Quyết định phê duyệt chương trình phát triển đô thị giai đoạn 2012-2015*. Đường link truy cập: <http://binhthuantourism.vn/article/view/---la-gi-tiem-nang-dang-vay-goi-25052013-59.html>, truy cập ngày 05.05.2016.
8. Tổng cục Thống kê, 2015. Niên giám Thống kê 2014. NXB Thống Kê Hà Nội.
9. Trần Hà Phương và Nguyễn Thanh Hùng, 2012. Phân tích biến động SDD bằng ảnh Landsat – Trường hợp tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2000- 2010. *Tạp chí Khoa học ĐHSP TP. Hồ Chí Minh* số 36.
10. UBND tỉnh Bình Thuận, 2013. *Quyết định số 2450 /QĐ-UBND Về việc xét duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011- 2015) của thị xã La Gi*.
11. Vũ Nguyên, Jean- Christophe Castella và Peter H. Verburg, 2002. Mô hình hóa các thay đổi sử dụng đất tại huyện Chợ Đồn với phương pháp CLUE-S. *SAM Paper Series 16*.

Tiếng Anh

1. Muller D., 2003. *Land-use change in the Central Highlands of Viet Nam*. Institute of Rural Development Georg-August-University of Göttingen, Germany.
2. Muller D., 2004. *From Agriculture expansion to intensification: Rural development and determinants of land use change in the Central Highlands of Viet Nam*. Deutsche Gesellschaft für Press, Eschborn.